TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27/5/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Đình Quân;
Ông Nguyễn Trường Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Hoàng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 138/2026/HNGĐ-ST ngày 01/4/2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Võ Quang V, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Võ Quang V chung sống vợ chồng với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 10/4/2006. Thời gian đầu chung sống với nhau có hạnh phúc, nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường bất đồng quan điểm và hay cãi nhau, không hợp nhau. Hiện tại, bà và ông V đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu Toà án giải quyết cho bà N ly hôn với bị đơn ông Võ Quang V.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung tên Võ Hồng N1, sinh ngày 28/11/2006; Võ Mai T, sinh ngày 21/11/2011 và Võ Xuân G, sinh ngày 21/02/2017. Cháu N1 đã trưởng thành, bà N tôn trọng quyền quyết định của cháu T và cháu G. Nếu cháu T và cháu G muốn sống chung với bà N thì bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Quang V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, ông V có bản tự khai trình bày vợ chồng có mâu thuẫn, có đánh nhau nhưng chưa chưa đến mức phải ly hôn nên không đồng ý ly hôn. Ông V đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Quang V chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 10/4/2006. Hiện tại, bà N và ông V phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung tên Võ Hồng N1, sinh ngày 28/11/2006; Võ Mai T, sinh ngày 21/11/2011 và Võ Xuân G, sinh ngày 21/02/2017. Cháu Võ Hồng N1, sinh ngày 28/11/2006 đã trưởng thành. Cháu Võ Mai T, sinh ngày 21/11/2011 và Võ Xuân G, sinh ngày 21/02/2017 có bản trình bày ý kiến thể hiện có nguyện vọng muốn sống với mẹ là bà N. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Võ Mai T và Võ Xuân G cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện bị đơn ông Võ Quang V về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; hiện bị đơn ông Võ Quang V đang thường trú tại ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Võ Quang V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Quang V chung sống vợ chồng với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 10/4/2006 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hiện tại cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, không hợp nhau. Bị đơn trình bày vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau nhưng cho rằng chưa trầm trọng, không đồng ý ly hôn. Bị đơn không tham gia hoà giải đoàn tụ, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại nguyên đơn và bị đơn không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung tên Võ Hồng N1, sinh ngày 28/11/2006; Võ Mai T, sinh ngày 21/11/2011 và Võ Xuân G, sinh ngày 21/02/2017. Cháu N1 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết. Cháu T và cháu G có bản trình bày ý kiến thể hiện có nguyện vọng muốn sống với mẹ là bà N. Bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Võ Mai T, sinh ngày 21/11/2011 và Võ Xuân G, sinh ngày 21/02/2017 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 91, khoản 4 Điều 147 và các Điều 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn ông Võ Quang V về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Quang V.

3. Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung tên Võ Hồng N1, sinh ngày 28/11/2006; Võ Mai T, sinh ngày 21/11/2011 và Võ Xuân G, sinh ngày 21/02/2017. Cháu N1 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết.

3.1. Giao cháu Võ Mai T, sinh ngày 21/11/2011 và Võ Xuân G, sinh ngày 21/02/2017 cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

3.2. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3.3. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015120 ngày 11 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành dân sự Thành phố H.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân xã Phước Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh (thay thông báo);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Ân